

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 được thành lập theo Quyết định số 1588/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển DNNN là Công ty Xây dựng Số 5 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 thành Công ty Cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0300378152; Đăng ký lần đầu, ngày 24 tháng 12 năm 2003, Số ĐKKD: 4103002004; Đăng ký thay đổi lần thứ 11 (mười một), ngày 24 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốcHội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Mỹ	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Từ	Phó Chủ tịch
Ông Trần Chính Diệp	Ủy viên
Ông Lê Hữu Hòe	Ủy viên
Bà Phạm Thị Kim Xuân	Ủy viên

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Hoan	Trưởng ban
Ông Trần Thái Vĩnh	Thành viên
Bà Nguyễn Bảo Thanh Vân	Thành viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quang Mỹ	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hòe	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Khắc Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Chính Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Từ	Phó Tổng Giám đốc

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Quang Mỹ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội.

Tel: +84 (4) 3 783 2121
Fax: +84 (4) 3 783 2122
Email: info@cpavietnam.vn
Website: www.cpavietnam.vn

Số. 479 /2011/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5

Kính gửi **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được lập ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2011

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1009/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.484.686.014.822	1.808.395.718.072
(100) = 110+120+130+140+150				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	23.991.520.649	263.223.818.088
1. Tiền	111		19.960.556.271	116.215.745.399
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.030.964.378	147.008.072.689
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	248.401.437.448	285.801.160.188
1. Phải thu khách hàng	131		177.518.033.114	188.017.074.408
2. Trả trước cho người bán	132		68.508.991.466	52.703.209.495
5. Các khoản phải thu khác	135		2.374.412.868	45.080.876.285
IV- Hàng tồn kho	140		1.136.488.760.593	1.200.170.077.105
1. Hàng tồn kho	141	5.3	1.136.488.760.593	1.200.170.077.105
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		75.804.296.132	59.200.662.691
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.668.097.713	4.340.837.952
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.209.647.429	695.094.903
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.4	279.868.615	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	64.646.682.375	54.164.729.836
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		198.029.079.558	137.282.316.956
(200 = 210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		76.750.719.724	57.256.220.997
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	75.802.267.390	56.584.989.110
- Nguyên giá	222		94.570.971.074	73.212.544.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.768.703.684)	(16.627.555.090)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	948.452.334	671.231.887
- Nguyên giá	228		1.196.492.066	880.780.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(248.039.732)	(209.548.363)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	114.226.435.410	74.991.145.410
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		84.290.700.000	44.655.300.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		36.677.678.426	39.310.537.098
4. Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn	259		(6.741.943.016)	(8.974.691.688)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.051.924.424	5.034.950.549
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.022.765.941	5.001.526.539
3. Tài sản dài hạn khác	268		29.158.483	33.424.010
TỔNG CỘNG TÀI SẢN				
(270 = 100+200)	270		1.682.715.094.380	1.945.678.035.028

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mẫu B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.368.051.178.946	1.644.786.749.254
I- Nợ ngắn hạn	310		931.152.099.856	1.241.025.340.051
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	353.633.769.477	448.868.438.355
2. Phải trả người bán	312		130.850.889.373	214.482.361.255
3. Người mua trả tiền trước	313		372.968.204.529	486.303.236.788
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	310.081.767	10.304.282.055
5. Phải trả người lao động	315		1.378.551.040	7.671.770.925
6. Chi phí phải trả	316		12.012.442.121	10.233.775.397
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	5.11	54.933.828.425	56.525.242.152
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.064.333.124	6.636.233.124
II- Nợ dài hạn	330		436.899.079.090	403.761.409.203
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.12	263.614.773.266	258.913.067.810
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	166.749.157.484	143.882.193.975
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		958.516.418	966.147.418
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		5.576.631.922	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		308.261.895.852	294.469.310.556
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	308.261.895.852	294.469.310.556
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		113.520.000.000	113.520.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.950.000.000	20.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		65.389.499.612	65.389.499.612
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.710.000)	(1.710.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		23.549.799	5.858.099
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		44.322.779.298	44.322.779.298
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.650.529.641	8.650.529.641
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		55.407.247.502	41.632.353.906
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
B- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		6.402.019.582	6.421.975.218
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.682.715.094.380	1.945.678.035.028



Trần Quang Mỹ

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

Phan Chí Hiếu

Người lập biểu

Hò Hồng Nhân

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mẫu B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	601.130.315.327	611.227.531.177
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		601.130.315.327	611.227.531.177
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	576.831.202.577	565.698.732.917
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		24.299.112.750	45.528.798.260
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	3.965.550.704	10.617.703.274
7. Chi phí tài chính	22	5.18	4.598.660.166	17.844.891.574
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.566.361.071	17.134.423.232
8. Chi phí bán hàng	24		1.743.128.319	83.463.370
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.747.447.044	2.896.022.346
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		19.175.427.925	35.322.124.244
11. Thu nhập khác	31		4.604.144	302.241.605
12. Chi phí khác	32		218.911.007	295.594.544
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(214.306.863)	6.647.061
14. Lợi nhuận/lỗ liên doanh, liên kết	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		18.961.121.062	35.328.771.305
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.182.183.102	8.727.537.493
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		13.778.937.960	26.601.233.812
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	61		-	340.803.296
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	70		13.778.937.960	26.260.430.516
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	5.19	1.214	2.578



Trần Quang Mỹ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

Phan Chí Hiếu
Người lập biểu

Hồ Hồng Nhân
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.961.121.062	35.328.771.305
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.179.639.963	1.953.196.279
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.626.856.577)	(9.173.260.537)
Chi phí lãi vay	06	3.566.361.071	17.134.423.232
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLĐ	08	19.080.265.519	45.243.130.279
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	32.441.450.728	(49.897.667.065)
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	91.417.178.590	3.986.085.791
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(187.248.677.529)	(117.500.264.194)
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(2.348.499.163)	449.070.923
Tiền lãi vay đã trả	13	(44.513.599.828)	(27.253.235.973)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.289.913.785)	(392.490.850)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.705.299.245	1.615.676.566
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(12.843.215.434)	(6.822.488.103)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(111.599.711.657)	(150.572.182.626)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(21.674.138.690)	(875.126.667)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	370.676.422
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(41.305.920.000)	(11.066.793.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.686.004.034	10.821.962.800
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.011.482.543	9.011.181.781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.282.572.113)	8.261.900.836
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	-	10.006.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	398.987.831.445	403.848.687.979
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(471.355.536.814)	(332.385.271.083)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(366.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(72.367.705.369)	81.103.116.896
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(239.249.989.139)	(61.207.164.894)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	263.223.818.088	89.654.358.052
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	17.691.700	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.991.520.649	28.447.193.158



Trần Quang Mỹ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

Phan Chí Hiếu
Người lập biểu

Hồ Hồng Nhân
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 được thành lập theo Quyết định số 1588/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển DNNN là Công ty Xây dựng Số 5 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 thành Công ty Cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0300378152; Đăng ký lần đầu, ngày 24 tháng 12 năm 2003, Số ĐKKD: 4103002004; Đăng ký thay đổi lần thứ 11 (mười một), ngày 24 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ cấu tổ chức

Các công ty con

Tỷ lệ vốn

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Xuất nhập khẩu Mỹ Phước

30,00%

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, trang trí nội thất, mộc xây dựng. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng và lắp đặt các công trình điện, nước. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 35 KV. Thi công lắp đặt hệ thống thiết bị cơ điện lạnh. Lắp đặt và tháo dỡ các loại cầu trục và thiết bị nâng hạ. Sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng (không sản xuất trong khu dân cư tập trung). Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Cho thuê mặt bằng; máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng. Thi công khoan cọc nhồi; đóng, ép cọc bê-tông cốt thép (không hoạt động tại trụ sở). Do đặc bản đồ. Xây dựng: cơ sở kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, thủy lợi. Kinh doanh lưu hành nội địa, quốc tế. Dịch vụ giữ xe. Cho thuê nhà, văn phòng. Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản.
- Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn môi trường. Sản xuất, gia công, mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp. Lắp đặt công trình xử lý nước thải (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình cấp thoát nước và trạm cấp nước. Mua bán vật tư ngành nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Xuất nhập khẩu Mỹ Phước.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ hoạt động của Công ty là từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và sửa đổi bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập tại ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính được dùng để hợp nhất bao gồm: Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5; các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty con đã nêu tại thuyết minh số 6.1.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và Công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Đối với các công trình xây dựng

Các công trình xây dựng là các chung cư do Công ty mẹ đầu tư xây dựng để bán hoặc các công trình do Công ty đầu tư xây dựng cùng với các đối tác khác để bán được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc các công trình xây dựng bao gồm các chi phí để có được quyền sử dụng đất, chi phí trả cho các nhà thầu xây dựng, chi phí thiết kế, giám sát và các chi phí cần thiết khác để có được công trình sẵn sàng đưa vào sử dụng.

Khi doanh thu của các công trình xây dựng được tạm ghi nhận từng phần trong năm, giá vốn của các công trình được ước tính theo tỷ suất lợi nhuận của từng dự án do Công ty xác định trong từng năm. Do thời gian đầu tư của từng công trình kéo dài, chi phí thực tế thường có xu hướng tăng cao hơn so với chi phí dự toán ban đầu nên việc ghi nhận giá vốn tương ứng với doanh thu đã được ghi nhận trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng số chi phí thực tế cần đầu tư để có được số doanh thu đã ghi nhận. Tổng số giá vốn của công trình xây dựng sẽ được xác định chính thức khi công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng và đã có quyết toán chi phí đầu tư.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 30
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 13 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết, Góp vốn liên doanh

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các công ty liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phân vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tuy nhiên trong trường hợp nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phân ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng năm (5) năm tiếp theo.

Nếu xử lý chênh lệch theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 thì kết quả kinh doanh năm 2009 của Công ty tăng lãi số tiền là 5.858.099 đồng, kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 của Công ty tăng lãi 17.691.700 đồng.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và tập đoàn có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	10.723.536.866	5.262.540.893
Tiền gửi ngân hàng	9.237.019.405	110.953.204.506
Các khoản tương đương tiền	4.030.964.378	147.008.072.689
Tổng	23.991.520.649	263.223.818.088

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khách hàng	177.518.033.114	188.017.074.408
Trả trước cho người bán	68.508.991.466	52.703.209.495
Phải thu ngắn hạn khác	2.374.412.868	45.080.876.285
Tổng	248.401.437.448	285.801.160.188

5.3 Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.841.486.469	17.938.661.135
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.130.609.078.308	1.182.189.847.895
Hàng hoá	38.195.816	41.568.075
Tổng	1.136.488.760.593	1.200.170.077.105

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	279.868.615	-
Tổng	279.868.615	-

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	53.202.340.101	49.568.372.945
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.444.342.274	4.596.356.891
Tổng	64.646.682.375	54.164.729.836

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.6 Tài sản cố định

					Đơn vị tính: VND	
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2011	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng	
Tăng trong kỳ	57.166.749.428	9.015.708.594	5.355.162.765	1.674.923.413	73.212.544.200	
Mua trong kỳ	20.752.807.438	545.139.000	-	60.480.436	21.358.426.874	
	20.752.807.438	545.139.000	-	60.480.436	21.358.426.874	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	
Số dư tại 30/06/2011	77.919.556.866	9.560.847.594	5.355.162.765	1.735.403.849	94.570.971.074	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2011	4.772.527.334	7.051.782.218	3.600.687.115	1.202.558.423	16.627.555.090	
Tăng trong kỳ	1.204.036.156	467.139.920	365.853.030	104.119.488	2.141.148.594	
Khấu hao trong kỳ	1.204.036.156	467.139.920	365.853.030	104.119.488	2.141.148.594	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	
Số dư tại 30/06/2011	5.976.563.490	7.518.922.138	3.966.540.145	1.306.677.911	18.768.703.684	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2011	52.394.222.094	1.963.926.376	1.754.475.650	472.364.990	56.584.989.110	
Tại 30/06/2011	71.942.993.376	2.041.925.456	1.388.622.620	428.725.938	75.802.267.390	

5.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 13 năm..

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN**5.8 Đầu tư liên doanh, liên kết**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh	84.290.700.000	44.655.300.000
Đầu tư dài hạn khác	36.677.678.426	39.310.537.098
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(6.741.943.016)	(8.974.691.688)
Tổng	114.226.435.410	74.991.145.410

Chi tiết các khoản đầu tư Công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cổ Phần XD & KDVT (An Phúc)	56.062.500.000	44.655.300.000
Công ty Cổ Phần BĐS Tân Phước	28.228.200.000	-
Tổng	84.290.700.000	44.655.300.000

Thông tin bổ sung

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 75/2009/HĐHT ký ngày 10/11/2009 giữa Công ty Cổ Phần XD & KD Vật tư và Công ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5; Dưới hình thức: Góp vốn đầu tư xây dựng Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phúc với diện tích khu đất là 17.250 m² tại Phường 16 - Quận 8 - TP. Hồ Chí Minh.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Tân Phước là: 200 tỷ đồng; Trong đó: tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 chiếm 40% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 đã góp 28.228.200.000 đồng, đạt tỷ lệ 35,29% so với vốn góp.

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn (Góp vốn):	8.469.461.000	8.469.461.000
- Dự án BOT cầu Đồng Nai	2.400.000.000	2.400.000.000
- Công ty CP Thủy điện Dakr'it	6.069.461.000	6.069.461.000
Đầu tư cổ phiếu niêm yết:	18.468.373.316	21.101.231.988
- Công ty CP ĐT Xây dựng Bình Chánh (BCI)	12.225.690.790	13.109.107.429
- Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	-	169.156.859
- Công ty CP ĐT KCN Dầu khí IDCO	4.572.000.000	4.800.000.000
- Long Sơn (PXL)	-	-
- Công ty CP PT HT Kỹ thuật (Becamex - IJC)	1.670.682.526	2.262.526.500
- Quỹ Đầu Tư DN Hàng Đầu Việt nam (VF4)	-	736.971.000
- Công ty CP MIRAE (KMR)	-	23.470.200
Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết:	9.739.844.110	9.739.844.110
- Ngân hàng TMCP Phương Nam (PNB)	1.351.150.000	1.351.150.000
- Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phương Nam (NJC)	1.081.650.000	1.081.650.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa	729.500.000	729.500.000
- Công ty CP Xây dựng số 14 (CC14)	5.137.544.110	5.137.544.110
- Công ty CP XD CT GT 677	1.440.000.000	1.440.000.000
Tổng	36.677.678.426	39.310.537.098

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN**5.8 Đầu tư liên doanh, liên kết (Tiếp theo)**

	30/06/2011	
	Số lượng	VND
Công ty CP ĐT Xây dựng Bình Chánh (BCI)	175.203	12.225.690.790
Công ty CP ĐT KCN Dầu khí IDICO		
Long Sơn	381.000	4.572.000.000
Công ty CP PT Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex)	167.055	1.670.682.526
	175.203	12.225.690.790

	30/06/2011	
	Số lượng	VND
Ngân hàng TMCP Phương Nam (PNB)	16.800	1.351.150.000
Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam (NJC)	20.000	1.081.650.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam - Tín Nghĩa	14.100	729.500.000
Công ty CP Xây dựng số 14 (CC14)	95.910	5.137.544.110
Công ty CP XD CT GT 677	144.000	1.440.000.000
Công ty CP Thủy điện Dakr'tih	316.550	6.069.461.000
	607.360	15.809.305.110

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	353.633.769.477	448.868.438.355
Tổng	353.633.769.477	448.868.438.355

Chi tiết vay ngắn hạn	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
1. Vay tổ chức tín dụng	334.568.769.477	398.153.438.355
- Ngân hàng Công thương VN - CN3	234.395.939.308	287.505.597.019
- Ngân hàng Nông nghiệp & PT Nông thôn	70.427.046.760	69.279.718.674
- Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	500.000.000	37.018.278.054
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	273.740.022	4.349.844.608
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế - CN Sài Gòn	28.972.043.387	-
2. Vay cá nhân và tổ chức cá nhân	19.065.000.000	50.715.000.000
- Vay cá nhân	19.065.000.000	50.715.000.000
Tổng	353.633.769.477	448.868.438.355

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.842.850.609
Thuế thu nhập doanh nghiệp	237.542.760	7.345.273.443
Thuế thu nhập cá nhân	40.551.807	84.170.803
Các loại thuế khác	31.987.200	31.987.200
Tổng	310.081.767	10.304.282.055

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN**5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3.427.954.938	3.066.021.964
Bảo hiểm xã hội	434.745.560	(7.980.140)
Bảo hiểm y tế	246.059.819	9.886.165
Bảo hiểm thất nghiệp	101.479.652	4.442.952
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	50.723.588.456	53.452.871.211
Tổng	54.933.828.425	56.525.242.152

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác trình bày số dư bên có của tài khoản tạm ứng cho các Đơn vị trực thuộc thi công các công trình xây lắp.

5.12 Phải trả dài hạn**Chi tiết các khoản phải trả dài hạn khác**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Người mua trả tiền trước dài hạn	227.453.884.781	223.247.882.992
- Chung cư Mỹ Phước - Phường 2 - Bình Thạnh	235.148.637	235.148.637
- Chung cư An Lộc - Phường 17 - Gò Vấp	100.480.000	219.835.000
- Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Bình Thạnh	30.710.271.541	40.144.235.814
- Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Bình Thạnh	131.527.299.107	103.043.868.541
- Chung cư Miếu Nổi - Lô S	93.320.000	93.320.000
- Chung cư Mỹ An - P. Hiệp Bình Chánh Quận Thủ Đức	63.845.865.496	78.809.975.000
- Khu quy hoạch - Phường Hiệp Bình Chánh Quận Thủ Đức (Sông Đà)	940.000.000	700.000.000
- Khu quy hoạch - Phường Phước Long Quận 9	1.500.000	1.500.000
Phải trả dài hạn khác	36.160.888.485	35.665.184.818
- Huy động vốn xây Cao ốc văn phòng Công ty	25.425.000.000	25.425.000.000
- Góp vốn dự án an Phúc - Phường 6, Quận 8	7.830.000.000	7.830.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.711.888.485	2.410.184.818
- Phải trả dài hạn khác	194.000.000	-
Tổng	263.614.773.266	258.913.067.810

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN**5.13 Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	166.749.157.484	143.882.193.975
Tổng	166.749.157.484	143.882.193.975
Chi tiết các khoản vay	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Ngân hàng Công thương VN - CN3 (*)	128.068.000.077	143.882.193.975
- Ngân hàng Công thương VN - CN3 (**)	38.681.157.407	-
Tổng	166.749.157.484	143.882.193.975

(*) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 09451214/HĐTD ngày 10/06/2009;

- Hạn mức tín dụng: 280.000.000.000 đồng

- Mục đích sử dụng: Đầu tư xây dựng Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạnh - TP. HCM.

- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạnh theo hợp đồng thế chấp số 09451214/HĐTC ngày 10/06/2009.

- Lãi suất vay: 10.5%/năm.

- Thời gian ân hạn: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

- Thời gian trả nợ: 36 tháng kể từ ngày hết thời gian ân hạn.

(**) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 10NTN1214/HĐTD ngày 18/10/2010;

- Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 đồng

- Mục đích sử dụng: Đầu tư xây dựng Dự án Khu dân cư The Bay Water - Phường 22 - Quận Bình Thạnh - TP. HCM.

- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ Khu Chung cư The Bay Water - Phường 22 - Quận Bình Thạnh theo hợp đồng thế chấp số 10NTN1214/HĐTC.

- Lãi suất vay: 14,5%/năm.

- Thời gian ân hạn: 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Thời gian trả nợ: 36 tháng kể từ ngày hết thời gian ân hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.14 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (*)	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	103.200.000.000	20.950.000.000	35.689.499.612	(70.000)	-	31.899.515.784	6.813.801.590	36.849.059.342	235.401.806.328
Tăng trong năm	10.320.000.000	-	29.700.000.000	-	5.858.099	12.423.263.514	1.836.728.051	41.598.606.138	95.884.455.802
Tăng vốn	10.320.000.000	-	-	-	-	-	-	-	10.320.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	41.576.834.996	41.576.834.996
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	12.423.263.514	1.836.728.051	-	14.259.991.565
Đánh giá tỷ giá	-	-	-	-	5.858.099	-	-	-	5.858.099
Tăng khác	-	-	29.700.000.000	-	-	-	-	21.771.142	29.721.771.142
Giảm trong năm	-	-	-	1.640.000	-	-	-	36.815.311.574	36.815.311.574
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	16.175.311.574	16.175.311.574
Có tức	-	-	-	-	-	-	-	20.640.000.000	20.640.000.000
Giảm khác	-	-	-	1.640.000	-	-	-	-	1.640.000
Số dư tại 31/12/2010	113.520.000.000	20.950.000.000	65.389.499.612	(1.710.000)	5.858.099	44.322.779.298	8.650.529.641	41.632.353.906	294.469.310.556
Số dư tại 01/01/2011	113.520.000.000	20.950.000.000	65.389.499.612	(1.710.000)	5.858.099	44.322.779.298	8.650.529.641	41.632.353.906	294.469.310.556
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	17.691.700	-	-	13.778.937.960	13.796.629.660
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	13.778.937.960	13.778.937.960
Đánh giá tỷ giá	-	-	-	-	17.691.700	-	-	-	17.691.700
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	4.044.364	4.044.364
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	4.044.364	4.044.364
Số dư tại 30/06/2011	113.520.000.000	20.950.000.000	65.389.499.612	(1.710.000)	23.549.799	44.322.779.298	8.650.529.641	55.407.247.502	308.261.895.852

(*) Công ty đã hạch toán phần tiền nhận vốn góp liên doanh của một công ty khác để cùng thực hiện dự án xây dựng và không thành lập pháp nhân mới vào mục Vốn khác của chủ sở hữu theo công văn số 12563/BTC-CDKT của Bộ Tài chính ngày 18/09/2007 trả lời công văn số 1602/SGDCKHCM-NY của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn về cách hạch toán nhận vốn góp liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN**5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	15.940.320.000	15.940.320.000
Vốn góp của đối tượng khác	97.579.680.000	97.579.680.000
Tổng	113.520.000.000	113.520.000.000

Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.352.000	11.352.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.352.000	11.352.000
Cổ phiếu phổ thông	11.352.000	11.352.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	171	171
Cổ phiếu phổ thông	171	171
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.351.829	11.351.829
Cổ phiếu phổ thông	11.351.829	11.351.829
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu***Chi tiết vốn khác của chủ sở hữu**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư SATO (*)	39.889.499.612	39.889.499.612
Công ty CP Đệ Tam (**)	25.500.000.000	25.500.000.000
Tổng	65.389.499.612	65.389.499.612

(*) Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đầu tư Sato ngày 17 tháng 3 năm 2008 dưới hình thức: Góp vốn đầu tư xây dựng dự án Chính trang đô thị khu vực đầu cầu Thủ Thiêm, đường Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh; Tỷ lệ góp vốn Công ty 50% và Công ty TNHH Đầu tư Sato 50%; Việc hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân, phân chia lợi nhuận.

(**) Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phúc, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Dự án này Công ty tham gia góp vốn 50% dự án với Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư. Sau đó Công ty đồng ý để Công ty Cổ phần Đệ Tam cùng tham gia góp vốn trong phần vốn góp của Công ty với tỷ lệ vốn góp tương ứng 49%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN**5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng	90.512.294.503	84.295.348.401
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.127.824.038	8.721.723.127
Doanh thu hợp đồng xây dựng	501.490.196.786	518.210.459.649
Tổng	601.130.315.327	611.227.531.177

5.16 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	82.108.526.724	68.743.020.022
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.454.929.122	5.408.929.614
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	490.267.746.731	491.546.783.281
Tổng	576.831.202.577	565.698.732.917

5.17 Doanh thu tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.005.471.281	932.660.281
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	7.732.950.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	294.469.500	418.621.333
Doanh thu tài chính khác	665.609.923	1.533.471.660
Tổng	3.965.550.704	10.617.703.274

5.18 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền vay	3.566.361.071	17.134.423.232
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	384.625.966	171.062.335
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	534.382.682	532.873.849
Chi phí hoạt động tài chính khác	113.290.447	6.532.158
Tổng	4.598.660.166	17.844.891.574

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN**5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.778.937.960	26.601.233.812
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	13.778.937.960	26.601.233.812
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	11.351.829	10.320.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.214	2.578

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Các công ty con****Thông tin bổ sung về các công ty con:**

Chi tiết các khoản đầu tư Công ty con	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Xuất nhập khẩu Mỹ Phước	1.045.799.410	1.045.799.410
Tổng	1.045.799.410	1.045.799.410

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần ĐT XD & XNK Mỹ Phước là: 18 tỷ đồng; Trong đó: tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 chiếm 30% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 đã góp 1.045.799.410 đồng, đạt tỷ lệ 19,37% so với vốn góp.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 nắm giữ ít hơn 50% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Mỹ Phước, nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09a - DN/HN

6.2 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 và số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2010 là một phần của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.



Trần Quang Mỹ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

Phan Chí Hiếu
Người lập biểu

Hồ Hồng Nhân
Kế toán trưởng